TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-PT
Ngày 17-02-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 318/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn N, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Dương Thị Kim T1, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Huỳnh A, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 2023, ông Phan Văn N có vay của ông số tiền 76.000.000 đồng, không lãi suất, và không làm biên nhận. Đến ngày 01/10/2023, ông N trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ 36.000.000 đồng, ông N cam kết sẽ trả cho ông bằng ba lần và có viết biên nhận mỗi bên giữ một bản, cụ thể như sau:

- Ngày 17/9/2023 âm lịch(viết tắt là âl) trả 10.000.000 đồng.
- Ngày 25/11/2023 âl trả 10.000.000 đồng.
- Tháng Giêng năm 2024 âl trả 16.000.000 đồng.

Sau đó, ông N có trả cho ông được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 33.000.000 đồng từ ngày 31/10/2023 đến nay không trả mặc dù ông đòi nhiều lần, phía ông N còn có thái độ thách thức ông.

Tiền vay là ông N vay nên nay ông yêu cầu ông Phan Văn N trả lại cho ông số tiền còn nợ là 33.000.000 đồng, ông không yêu cầu ông N trả tiền lãi.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Phan Văn N trình bày: Trước đây, ông có vay tiền của ông Nguyễn Văn T bốn lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, bốn lần vay bằng 40.000.000 đồng, ông T tính lãi đến ngày 26/12/2022 âl là 13.000.000 đồng, ông đã đóng lãi 3.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng chưa đóng. Đến tháng 8/2023 âl, ông đến nhà ông T trả vốn vay 40.000.000 đồng và đóng lãi 3.000.000 đồng. Từ ngày 26/12/2022 âl đến tháng 8/2023 âl, ông T tính tiền lãi trên số tiền vốn vay 40.000.000 đồng bằng 29.000.000 đồng cộng với tiền lãi ông thiếu lại từ ngày 26/12/2022 âl trở về trước là 10.000.000 đồng thành 39.000.000 đồng và ông trả tiếp 3.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 36.000.000 đồng tiền lãi nên ông viết biên nhận sẽ trả cho ông T ba lần. Đến ngày 27/9/2023, ông trả 2.000.000 đồng, ngày 12/11/2023 ông trả tiếp 1.000.000 đồng, tiền lãi còn nợ ông T là 33.000.000 đồng. Ông xác nhận số tiền trong biên nhận ông viết giao cho ông T giữ là tiền lãi được tính ra từ số tiền vay 40.000.000 đồng, số tiền nợ trong biên nhận không phải là tiền vay. Ông yêu cầu ông T đem cuốn sổ ông đã ký vay tiền trước đây ra để xem xét và ông T thừa nhận số tiền 33.000.000 đồng là tiền lãi thì ông sẽ trả cho ông T.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bà Dương Thị Kim T1 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn T, bà thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông T về số tiền ông N vay. Số tiền vay là tiền chung của vợ chồng bà. Vì vậy, bà yêu cầu ông Phan Văn N trả cho vợ chồng bà số tiền còn nợ là 33.000.000 đồng trả đủ một lần. Ngoài ra bà không yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bà Huỳnh A trình bày: Bà và ông Phan Văn N chung sống với nhau như vợ chồng. Số tiền 40.000.000 đồng ông N vay của ông T để lên líp trồng chanh, dừa lúc bà chưa về sống chung với ông N. Sau khi về sống chung, bà Kim T1 vợ ông T điện thoại đòi tiền vay 40.000.000 đồng bà mới biết, do số tiền lãi quá cao nên bà lấy tiền của bà đến trả cho bà Kim T1 vợ ông Tần số tiền vốn 40.000.000 đồng và đóng lãi 3.000.000 đồng, còn lại 33.000.000 đồng tiền lãi. Nay bà yêu cầu ông T đem giấy ông N ký vay tiền

40.000.000 đồng đến Tòa án bà sẽ cùng ông N trả cho ông Tần số tiền còn nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Phan Văn N trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị Kim T1 số tiền 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/7/2024 bị đơn ông Phan Văn N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án số 31/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long và ông không phải trả cho ông Tần số tiền 33.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến và tranh tụng công khai tại phiên toà hôm nay. Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án số 31/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long và ông không phải trả cho ông Tần số tiền 33.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ của các đương sự và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Phan Văn N kháng cáo, việc kháng cáo của đương sự còn trong hạn luật định nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn N Hội đồng xét xử

nhận thấy: Căn cứ vào giấy biên nhận do ông Nguyễn Văn T cung cấp, qua lời khai của ông T và ông N, cho thấy ông T có cho ông N vay tiền và còn nợ số tiền 36.000.000 đồng, có lập biên nhận nợ ngày 01/10/2023 do ông N viết và ký tên vào biên nhận, ông N thừa nhận toàn bộ nội dung trong biên nhận, chữ ký, chữ viết tên Phan Văn N do chính ông viết, ký tên nên đây là tình tiết, sự việc được các bên đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Phan Văn N cho rằng số tiền 36.000.000 đồng trong biên nhận là tiền lãi của số tiền vốn 40.000.000 đồng ông đã vay trước đây và đã trả tiền lãi 12.000.000 đồng cho ông T coi nhưng ông đã trả xong tiền nợ, vì vậy ông còn nợ tiền lãi 36.000.000 đồng như biên nhận ông đã viết. Việc biên nhận viết ngày 01/10/2023 là do ông T ép ông viết như vậy, ông cũng thừa nhận chữ viết còn nợ 36.000.000 đồng là do chính tay ông viết, không có chỉnh sửa. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông N cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới, tại phiên tòa phúc thẩm ông T, bà T1 vẫn khẳng định tiền ông N nợ là tiền vốn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ. Từ những nhận định và phân tích trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn N là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Phan Văn N không được chấp nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do ông N là người cao tuổi, nên ông N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Phan Văn N trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị Kim T1 số tiền 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phan Văn N.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Càng Long;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
-Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mến